

Bản án số: 514/2022/HS-PT
Ngày: 13/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Trường

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm

 ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 545/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Hà Thị T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2022/HSST ngày 02/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

Hà Thị T; sinh ngày 02/8/1991 tại tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Môi giới bất động sản; con ông Hà Văn N và bà Hà Thị L; chồng Ma Văn H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/3/2022 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị T: Luật sư Võ Thị Tuệ M - Công ty luật hợp danh A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. (Vắng mặt)

Người bị hại:

1. Bà Đinh Thị Phương T, sinh năm 1983; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế.
(Vắng mặt)

2. Bà Lê Vũ Minh H, sinh năm 1982; địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. (Vắng mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại khác; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà T làm nghề môi giới bất động sản. Quá trình môi giới mua bán thửa đất số 133, tờ bản đồ 46, diện tích 200m² tại xã T Phù, thị xã Hương T và thửa đất số 1474, tờ bản đồ số 07, diện tích 127,8m² tại thôn T, xã T Tân, thị xã Hương T, bản thân T không có quyền định đoạt việc bán các thửa đất nói trên, nhưng đã soạn các hợp đồng đặt cọc giả với nội dung T là bên đặt cọc mua các thửa đất trên và có quyền bán lướt cọc. Với thủ đoạn này, T đã ký các hợp đồng đặt cọc mua bán các thửa đất này và chiếm đoạt tiền của các bị hại Đinh Thị Phương T, Lê Vũ Minh H và Nguyễn Thị H với tổng số tiền 500.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Đinh Thị Phương T và chị Lê Vũ Minh H:

Vào khoảng đầu tháng 6/2021, vợ chồng anh Trương Đức D và chị Nguyễn Thị O đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị L thửa đất số 133, tờ bản đồ 46, diện tích 200m² tọa lạc tại xã T Phù, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng chưa tiến hành các thủ tục công chứng, sang tên chuyển nhượng. Sau đó, chị L gửi cho chị Nguyễn Thị Kim P nhờ bán lại lô đất này. Biết được chị L muốn bán lại thửa đất trên với giá 1.500.000.000 đồng, nên Võ Thị Thùy T đã thông tin cho Hà Thị T biết. Do đã nhiều lần môi giới mua đất giúp anh Nguyễn Thái B, nên T đã giới thiệu cho anh B và anh B đã đồng ý mua thửa đất trên; đồng thời nhờ T đặt cọc giúp T trao đổi với anh B và xin góp vốn 500.000.000 đồng, anh B đồng ý và thống nhất sau khi có người mua thì anh B là người quyết định việc mua bán thửa đất trên. Ngày 05/6/2021, tại nhà anh Trương Đức D, T đã đặt cọc 100.000.000 đồng (gồm 86.868.686 đồng của anh B và 13.131.314 đồng của T) cho chị L và viết hợp đồng đặt cọc ghi tên người mua là anh Nguyễn Thái B. Tuy nhiên, lúc này anh B không có mặt, nên T ký ghi họ tên của mình vào mục người mua. Khoảng ngày 20/6/2021, do không có tiền nên T xin không góp vốn đầu tư mua thửa đất trên nữa, anh B đồng ý và nhờ T bán lại với giá cao hơn để hưởng chênh lệch. Vào ngày 07/7/2021, anh B đã đến phòng công chứng Hồ Phi H làm các thủ tục công chứng mua thửa đất trên và trả đủ tiền cho vợ chồng anh D.

Ngày 25/6/2021, chị Đinh Thị Phương T và anh Lê Vũ Minh H đã liên hệ với

T đề hỏi mua thửa đất trên. Do cần tiền, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền đặt cọc của chị T và chị H. T không hỏi ý kiến của anh B mà tự đưa ra giá bán 1.540.000.000 đồng. Sau đó hạ giá bán xuống còn 1.520.000.000 đồng. Sáng ngày 27/6/2021, sau khi chị H liên lạc hẹn chiều gặp để đặt cọc, thì T nảy sinh ý định làm một hợp đồng đặt cọc giả.

Lúc này, T đang ngồi uống nước với Võ Thị Thùy T nên nói cho T biết đã có khách mua lại thửa đất số 133, tại xã T Phù nhưng T không nhớ tờ hợp đồng đặt cọc để ở đâu nên nhờ T viết lại hợp đồng để xác nhận việc T đã đặt cọc thửa đất trên. Tin lời T nên T đã viết lại “Hợp đồng đặt cọc, đề ngày 05/6/2021” theo nội dung do T đọc là Trương Đức Dân đã bán trực tiếp cho Hà Thị T.

Khoảng 18 giờ ngày 27/6/2021, tại quán cà phê T thuộc phường T Dương, thị xã Hương T, T đưa tờ “hợp đồng đặt cọc giả” cho chị H và chị T xem và cho biết T là người mua thửa đất trên. Tin tưởng về nguồn gốc thửa đất, nên chị H, chị T đồng ý mua với giá 1.520.000.000 đồng và chị H đã chuyển khoản 50.000.000 đồng tiền đặt cọc vào tài khoản của T.

Vài ngày sau, T liên lạc yêu cầu chuyển thêm tiền cọc nên chị T và chị H yêu cầu muốn gặp chủ đất và xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, ngày 02/7/2021, T dẫn chị H, chị T về nhà gặp chị L. Tại đây, chị L đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 133 đứng tên Trương Đức D cho chị T và chị H xem. Tin tưởng về nguồn gốc đất nên chị T chuyển thêm số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng vào tài khoản của T.

Ngày 06/7/2021, T tiếp tục yêu cầu chuyển thêm tiền cọc nên chị T, và chị H hẹn đến UBND phường T Dương. Tại đây, chị T chuyển thêm số tiền đặt cọc 250.000.000 đồng vào tài khoản của T. Sau khi chuyển cho T 400 triệu đồng để mua lô đất số 133, chị T và chị H phát hiện lô đất này là do anh B và gia đình đã mua của vợ chồng anh D nên làm đơn tố cáo đến cơ quan Công an.

2. Hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị H.

Thửa đất số 1474, tờ bản đồ số 07, diện tích 127,8m² tại thôn Tân Tô, xã T Tân, thị xã Hương T do vợ chồng anh Trần Đình P và chị Nguyễn Thị Thảo L cùng đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất và được chị Nguyễn Thị Ngọc H đặt cọc mua, sau đó chị H đăng thông tin bán lại lướt cọc.

Hà Thị T biết được, nên đã giới thiệu cho chị Nguyễn Thị Ngọc A liên hệ mua. Ngày 25/7/2021, T dẫn chị Ngọc A đến gặp chị H, qua trao đổi chị Ngọc A đồng ý đặt cọc 50 triệu đồng để mua thửa đất trên với giá 920.000.000 đồng. Sau khi đặt cọc, chị Ngọc A nhờ T đăng thông tin bán lại thửa đất trên với giá cao hơn để lướt cọc, hưởng chênh lệch.

Ngày 06/8/2021, chị Nguyễn Thị H gọi điện thoại cho T hỏi, mua thửa đất số

1474 nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền đặt cọc. Để chị H tin, Thùy đã tự lập ra hợp đồng đặt cọc với nội dung “ngày 20/7/2021, Trần Đình P bán thửa đất 1474, tờ bản đồ số 07, diện tích 127,8m² tại xã T Tân cho Hà Thị T với giá bán 920.000.000 đồng, đặt cọc 120.000.000 đồng”. Chiều cùng ngày, T hẹn gặp chị H tại vị trí thửa đất trên, tại đây T cho biết “Lô 1474, T mua lại. của anh P, chưa sang tên” đồng thời đưa tờ hợp đồng đặt cọc giả (do T tự lập) cho chị H xem và cho biết “gia đình đang cần tiền nên muốn bán gấp”. Qua trao đổi, T đồng ý hạ giá bán cho chị H với giá 860.000.000 đồng.

Khoảng 18 giờ 00 ngày 07/8/2021, chị H điện thoại hẹn T đến để giao tiền cọc. Do không có xe nên T nhờ Dương Văn T chở đến 4/35 đường N, thị xã Hương T. Tại đây, T đưa tờ Hợp đồng đặt cọc cho chị H xem lại. Tin tưởng T là người mua thửa đất trên nên chị H đã đưa 100.000.000 đồng tiền cọc cho chị T, số tiền chiếm đoạt được, T đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Sau khi đặt cọc, chị H tìm hiểu và phát hiện lô đất này không phải do T mua từ anh P nên làm đơn tố cáo đến cơ quan Công an.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2022/HS-ST ngày 02/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

[1] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Thị T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/3/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2022, bị cáo Hà Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/10/2022, các bị hại Đinh Thị Phương T và Lê Vũ Minh H gửi đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Hà Thị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt như trong đơn đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm: kháng cáo của bị cáo Hà Thị T là hợp lệ đúng pháp luật được xem xét theo thủ tục phúc thẩm; bị cáo kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa hôm nay, qua tranh luận xét thấy việc điều tra là đầy đủ, toàn diện. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị cáo Hà Thị T bị truy tố và xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 “chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên” có

khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù Chung thân; Toà án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS; xử phạt bị cáo Hà Thị T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng pháp luật. Bị cáo kháng cáo, có cung cấp được chứng cứ mới là đơn của người bị hại xác nhận bị cáo đã khắc phục thêm 25.000.000 đồng sau khi xét xử sơ thẩm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm; giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bào chữa cho bị cáo và những người bị hại đều không có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên bị cáo thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án; bị cáo từ chối luật sư bào chữa.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hà Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các chứng cứ đã thu thập được. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh: vì động cơ vụ lợi cá nhân mà trong thời gian 02 tháng từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 8 năm 2021 bị cáo Hà Thị T đã có hành vi thủ đoạn gian dối, đưa ra những thông tin không đúng sự thật, làm giả các hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã T Phù và xã T Tân, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế để lừa đảo chiếm đoạt của 03 người bị hại có tổng số tiền 500.000.000 đồng với mục đích tiêu xài cho cá nhân, nay không còn khả năng chi trả. Với hành vi và hậu quả như trên bị cáo Hà Thị T bị truy tố và xét xử 07 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng: bị cáo Hà Thị T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của nhiều người với số tiền 500.000.000đ tương ứng với điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS “*chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên*” có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù Chung thân. Toà án cấp sơ thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục một phần hậu quả (do bị cáo bồi thường được 20.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị H); nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; ông nội được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, trong vụ án này bị cáo chiếm đoạt của nhiều người nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội từ 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn tình tiết tăng

nặng, nên bị cáo T được áp dụng Điều 54 BLHS, xử phạt 07 năm 06 tháng tù. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo có cung cấp chứng cứ mới là đã bồi thường thêm cho bị hại Đinh Thị Phương T và Lê Vũ Minh H 25.000.000 đồng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; do vậy Hội đồng xét xử giảm thêm cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Kháng cáo của bị cáo Hà Thị T được chấp nhận, nên bị cáo không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Thị T; sửa phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2022/HS-ST ngày 02/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh đã Thừa Thiên Huế.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Hà Thị T **07** (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/3/2022.

2/ Án phí phúc thẩm: bị cáo Hà Thị T không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (13/12/2022).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế (03);
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (03);
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thừa Thiên Huế (02);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường